Cơ quan: Sở Tư pháp, Tỉnh Hải Dương
Thời gian ký: 13.08.2020 16:02:52 +07:00

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 01 /2020/NQ-HĐND	*Hải Dương, ngày 25 tháng 7 năm 2020*

SỞ TƯ PHÁP TỈNH HẢI DƯƠNG
ĐẾN Số: 2453
Ngày: 12/8/2020
Chuyển:
Lưu hồ sơ số:

NGHỊ QUYẾT

Về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công 5 năm 2016-2020 và năm 2020 (*Vốn ngân sách địa phương nguồn ngân sách tỉnh*)

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG
KHÓA XVI, KỲ HỌP THỨ 13

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ các Nghị quyết số 27/2016/NQ-HĐND ngày 09 ngày 12 năm 2016, số 16/2018/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2018, số 21/2019/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương về kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (vốn ngân sách địa phương nguồn ngân sách cấp tỉnh);

Xét Tờ trình số 50 /TTr-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2020 của UBND tỉnh về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công 5 năm 2016-2020 và năm 2020 (vốn ngân sách địa phương nguồn ngân sách cấp tỉnh); Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công 5 năm 2016-2020 và năm 2020 vốn ngân sách địa phương nguồn ngân sách tỉnh như sau:

1. Phương án điều chỉnh, bổ sung và phân bổ kế hoạch đầu tư công 5 năm 2016-2020:

Năm 2020 là năm cuối của kế hoạch 5 năm 2016-2020, thực hiện điều chỉnh kế hoạch vốn 5 năm đúng bằng tổng vốn đã giao hằng năm trong giai đoạn 2016-2020 (*bao gồm đồng thời điều chỉnh kế hoạch năm 2020*) và bổ sung vào kế hoạch 5 năm 2016-2020 từ các nguồn vốn tăng thu ngân sách, tiết kiệm chi ngân sách tỉnh năm 2019 chuyển nguồn sang năm 2020, cụ thể:

1.1. Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn 5 năm 2016-2020:

Tổng kế hoạch vốn 5 năm 2016-2020 sau khi điều chỉnh, bổ sung là 4.648.367,6 triệu đồng, tăng 78.107,364 triệu đồng so với kế hoạch vốn 5 năm đã giao. Cụ thể về các nguồn vốn như sau:

a) Vốn cân đối theo tiêu chí, định mức là 2.184.867,054 triệu đồng *(theo kế hoạch vốn hằng năm đã giao trong 5 năm)*, giảm 286.644,045 triệu đồng so với kế hoạch 5 năm đã giao.

b) Vốn thu tiền sử dụng đất là 1.718.070,988 triệu đồng, tăng 290.671,409 triệu đồng so với kế hoạch 5 năm đã giao, gồm: kế hoạch vốn hằng năm đã giao trong 5 năm tăng 70.627,282 triệu đồng; bổ sung vốn tăng thu tiền sử dụng đất năm 2019 chuyển nguồn sang năm 2020 vào kế hoạch 5 năm 2016-2020 là 220.044,127 triệu đồng.

c) Vốn thu xổ số kiến thiết là 155.998,777 triệu đồng *(theo kế hoạch vốn hằng năm đã giao trong 5 năm)*, giảm 17.001,0 triệu đồng so với kế hoạch 5 năm đã giao.

d) Các nguồn vốn khác bổ sung cho dự án đầu tư công là 589.430,781 triệu đồng. Trong đó, vốn ngân sách tỉnh năm 2019 chuyển nguồn sang năm 2020 bổ sung vào kế hoạch đầu tư công 5 năm 2016-2020 là 91.081,0 triệu đồng *(nguồn tiết kiệm chi thường xuyên là 15.000,0 triệu đồng; nguồn chi sự nghiệp y tế là 76.081,0 triệu đồng)*.

1.2. Điều chỉnh, phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công 5 năm 2016-2020:

Theo kế hoạch vốn 5 năm 2016-2020 từ tất cả các nguồn vốn sau điều chỉnh, bổ sung trên, điều chỉnh chi tiết kế hoạch vốn 5 năm 2016-2020 cho phù hợp với vốn đã phân bổ hằng năm và tiến độ thực hiện, khả năng giải ngân trong năm 2020 của các chương trình, dự án. Cụ thể như sau:

a) Điều chỉnh giảm 366.784,897 triệu đồng kế hoạch vốn 5 năm 2016-2020 của 54 chương trình, dự án, bao gồm:

- Điều chỉnh giảm 35.477,735 triệu đồng của 16 chương trình, dự án dư vốn.

- Điều chỉnh giảm 331.307,162 triệu đồng của 38 chương trình, dự án, bao gồm: giảm 29.718,297 triệu đồng của 21 dự án đã hoàn thành đưa vào sử dụng nhưng chưa quyết toán; giảm 301.588,865 triệu đồng của 17 chương trình, dự án

do không cân đối, bố trí được đủ vốn theo kế hoạch 5 năm 2016-2020 đã giao và phân kỳ đầu tư theo tiến độ thực hiện.

b) Điều chỉnh và bổ sung tăng 444.892,261 triệu đồng cho 17 chương trình, dự án, bao gồm:

- Điều chỉnh và bổ sung tăng 249.306,863 triệu đồng cho 12 chương trình, dự án trong kế hoạch 5 năm 2016-2020 đã giao nhưng chưa bố trí đủ vốn theo quy định.

- Bổ sung danh mục và phân bổ 195.585,398 triệu đồng cho 5 dự án, gồm: thanh toán nợ xây dựng cơ bản cho 01 dự án là 40.585,398 triệu đồng; khởi công mới 04 dự án là 155.000,0 triệu đồng.

(Chi tiết phương án điều chỉnh, bổ sung và phân bổ kế hoạch đầu tư công 5 năm 2016-2020 có Phụ lục biểu số 01 kèm theo)

2. Bổ sung 10.000,0 triệu đồng vốn dự phòng ngân sách tỉnh năm 2019 vào kế hoạch đầu tư công 5 năm 2016-2020, kế hoạch năm 2019 và phân bổ cho 05 dự án xử lý khẩn cấp sự cố sạt lở kè, bãi sông.

(Chi tiết về danh mục dự án, kế hoạch vốn 5 năm 2016-2020 và năm 2019 có Phụ lục biểu số 02 kèm theo)

3. Điều chỉnh, bổ sung và phân bổ kế hoạch vốn thanh toán năm 2020:

3.1. Điều chỉnh, bổ sung và phân bổ vốn kế hoạch năm 2020:

a) Bổ sung tăng vốn kế hoạch năm 2020 là 311.125,127 triệu đồng, bao gồm: nguồn tăng thu tiền sử dụng đất năm 2019 chuyển nguồn sang năm 2020 là 220.044,127 triệu đồng; vốn tiết kiệm chi ngân sách tỉnh năm 2019 chuyển nguồn sang năm 2020 là 91.081,0 triệu đồng *(nguồn tiết kiệm chi thường xuyên là 15.000,0 triệu đồng; nguồn chi sự nghiệp y tế là 76.081,0 triệu đồng)*.

b) Điều chỉnh và phân bổ vốn kế hoạch năm 2020:

Từ các nguồn vốn bổ sung 311.125,127 triệu đồng vào kế hoạch năm 2020; nguồn điều chỉnh giảm 27.818,795 triệu đồng của 02 chương trình, dự án dư vốn và 45.000,0 triệu đồng vốn kế hoạch năm 2020 chưa phân bổ chi tiết đầu năm, phân bổ chi tiết như sau:

- Bổ sung tăng 16.302,723 triệu đồng để thanh toán nợ xây dựng cơ bản cho 02 dự án đã hoàn thành, quyết toán vốn đầu tư.

- Bổ sung tăng 182.641,199 triệu đồng cho 06 dự án trong kế hoạch 5 năm 2016-2020 nhưng chưa bố trí đủ vốn để đẩy nhanh tiến độ đầu tư hoàn thành dự án; trong đó, vốn sự nghiệp y tế năm 2019 chuyển nguồn sang năm 2020 là 76.081,0 triệu đồng phân bổ cho dự án "*Đầu tư xây dựng khối nhà Khám, hành chính, nghiệp vụ kỹ thuật và nội trú của Bệnh viện Phụ sản Hải Dương*". Đồng

thời điều chỉnh nguồn vốn của 01 dự án cho phù hợp với khả năng cân đối, bố trí các nguồn vốn năm 2020.

- Bổ sung và giao tăng vốn tiêu chí, định mức năm 2020 cho thị xã Kinh Môn là 30.000,0 triệu đồng để thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng dự án xây dựng cầu Dinh. Yêu cầu UBND thị xã Kinh Môn chịu trách nhiệm phân bổ và thanh toán kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự án xây dựng cầu Dinh theo đúng quy định của pháp luật về đầu tư công, ngân sách nhà nước hiện hành.

- Số vốn còn lại 155.000,0 triệu đồng phân bổ chi tiết cho 04 dự án khởi công mới bổ sung vào kế hoạch 5 năm 2016-2020 sau khi có quyết định phê duyệt đầu tư dự án theo quy định.

(Chi tiết về danh mục dự án, kế hoạch vốn năm 2020 đã giao và kế hoạch vốn năm 2020 sau điều chỉnh, bổ sung có Phụ lục biểu số 03 kèm theo)

3.2. Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2019 kéo dài sang năm 2020:

Điều chỉnh giảm 124.710,0 triệu đồng vốn đầu tư công kế hoạch năm 2019 kéo dài sang năm 2020 của 06 dự án dư vốn (*không có khả năng giải ngân trong năm 2020*), để bổ sung tăng vốn thanh toán khối lượng hoàn thành cho 04 dự án.

(Chi tiết về danh mục dự án, điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2019 kéo dài sang năm 2020 có Phụ lục biểu số 04 kèm theo)

Điều 2. Bổ sung danh mục và kế hoạch đầu tư theo hình thức đối tác công tư đối với dự án theo hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT) vào kế hoạch đầu tư công 5 năm 2016-2020 như *Phụ lục biểu số 05 kèm theo.*

Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết và quyết định:

1. Giao chi tiết điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương nguồn ngân sách tỉnh 5 năm 2016-2020 và kế hoạch năm 2020 cho Chủ đầu tư. Chỉ đạo Chủ đầu tư và đơn vị có liên quan khẩn trương hoàn thiện các thủ tục về đầu tư, tổ chức thực hiện đầu tư, giải ngân kế hoạch vốn năm 2020 theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Có văn bản thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trước khi quyết định điều chỉnh kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương nguồn ngân sách tỉnh 5 năm 2016-2020, kế hoạch năm 2020 (*nếu có*) và phân bổ chi tiết kế hoạch vốn năm 2020 (*đối với các nguồn vốn chưa phân bổ chi tiết tại Điều 1*); báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất theo quy định tại khoản 8 Điều 67 Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019.

Điều 4. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương Khóa XVI, Kỳ họp thứ 13 thông qua ngày 25 tháng 7 năm 2020 và có hiệu lực kể từ ngày 04 tháng 8 năm 2020./.

Nơi nhận:
- Uỷ ban TV Quốc hội;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VB -Bộ Tư pháp;
- Ban Công tác Đại biểu;
- Ban Thường vụ Tỉnh uỷ;

(*để báo cáo*)

- Đoàn ĐBQH, TT HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Lãnh đạo và CV Văn phòng HĐND tỉnh;
- TT HĐND và UBND các huyện, TX, TP;
- Báo Hải Dương; Trang CNTT HĐND tỉnh, Trung tâm CNTT - Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Mạnh Hiển

Biểu số 01

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG 5 NĂM 2016-2020 (VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NGUỒN NGÂN SÁCH TỈNH)

(Kèm theo Nghị quyết số 01/2020/NQ-HĐND ngày 25 7 2020 của HĐND tỉnh Hải Dương)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn 5 năm 2016-2020 đã giao (tất cả các nguồn vốn)	Điều chỉnh tăng, giảm (-) vốn 5 năm 2016-2020					Kế hoạch vốn 5 năm 2016-2020 sau điều chỉnh, bổ sung				
		Số Quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Bao gồm				Tổng số	Bao gồm			
						Vốn tiêu chí, định mức	Thu sử dụng đất	XSKT	Các nguồn vốn khác		Vốn tiêu chí, định mức	Thu sử dụng đất	XSKT	Các nguồn vốn khác
A	B	1	2	3	8	9	10	11	12	13	14=4+9	15=5+10	16=6+11	17=7+12
	Tổng số		**20,887,810.7**	**4,570,260.237**	**78,107.364**	**-286,644.045**	**290,671.409**	**-17,001.000**	**91,081.000**	**4,648,367.600**	**2,184,867.054**	**1,718,070.988**	**155,998.777**	**589,430.781**
A	**Các chương trình, dự án điều chỉnh kế hoạch vốn**		**11,330,383.6**	**2,090,950.294**	**78,107.364**	**-286,644.045**	**290,671.409**	**-17,001.000**	**91,081.000**	**2,169,057.658**	**780,205.238**	**898,917.077**	**93,124.059**	**396,811.284**
A.1	**Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn**		**3,540,883.2**	**854,895.387**	**-366,784.897**	**-267,221.487**	**-59,385.234**	**-23,259.176**	**-16,919.000**	**488,110.490**	**208,354.569**	**118,032.755**	**78,524.883**	**83,198.284**
I	**Chương trình, dự án dư vốn**		**897,460.5**	**137,492.013**	**-35,477.735**	**-25,375.013**	**-9,623.020**	**-479.702**		**102,014.278**	**63,959.743**	**300.000**	**37,754.535**	
1	Di chuyển lộ 471-E81 GPMB của Công ty Ken Mark - thành phố Hải Dương	51; 09/01/2007	961.0	132.433	-20.671	-20.671				111.762	111.762			
2	Đường gom ven Quốc lộ 5 (Km45-Km59)	3383; 16/8/2002	106,989.5	7,851.489	-1,254.065	-1,254.065				6,597.424	6,597.424			
3	Xây dựng cầu giao thông nông thôn sử dụng vật tư thu hồi từ dự án nâng cao an toàn cầu đường sắt trên tuyến đường sắt Hà Nội - Thành phố Hồ Chí Minh	3075, 28/10/2016	28,174.6	25,357.000	-5,491.457	-5,491.457				19,865.543	19,865.543			
4	Mở rộng, nâng cấp đường trục chính phường Chí Minh, thành phố Chí Linh (đoạn từ đường tránh QL37 đến đường Trần Quốc Chẩn)	3813; 30/10/2019	12,260.3	14,900.000	-3,900.000	-3,900.000				11,000.000	11,000.000			
5	Xây dựng trạm bơm Phí Xá, huyện Thanh Miện (GPMB)	1460; 25/5/2009	148,992.0	2,366.970	-2,366.970	-2,366.970								
6	Cải tạo, nâng cấp và kiên cố hoá hệ thống thuỷ lợi sau nhà máy nhiệt điện Phả Lại (GPMB)	1470, 25/5/2009; 1444, 27/4/2015; 1876, 18/5/2017	156,110.1	1,542.393	-1,542.393	-1,542.393								

STT	Danh mục	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn 5 năm 2016-2020 đã giao (tất cả các nguồn vốn)	Điều chỉnh tăng, giảm (-) vốn 5 năm 2016-2020					Kế hoạch vốn 5 năm 2016-2020 sau điều chỉnh, bổ sung				
		Số Quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng số	*Bao gồm*				Tổng số	*Bao gồm*			
						Vốn tiêu chí, định mức	Thu sử dụng đất	XSKT	Các nguồn vốn khác		Vốn tiêu chí, định mức	Thu sử dụng đất	XSKT	Các nguồn vốn khác
A	B	1	2	3	8	9	10	11	12	13	14=4+9	15=5+10	16=6+11	17=7+12
7	Nhà lớp học 3 tầng 15 phòng, nhà hiệu bộ và một số hạng mục phụ trợ của Trường THPT Thanh Miện, huyện Thanh Miện	1630, 26/6/2015; 4888, 28/12/2018	20,645.2	13,645.142	-52.366			-52.366		13,592.776			13,592.776	
8	Xây dựng nhà lớp học 3 tầng 12 phòng, Trường THPT Chí Linh, thành phố Chí Linh	2092; 29/7/2016	8,115.8	7,930.771	-29.204	-29.204				7,901.567	7,901.567			
9	Nhà lớp học bộ môn 2 tầng 6 phòng (móng 3 tầng) của Trường THPT Đường An, huyện Bình Giang	2538; 19/9/2016	7,934.8	7,869.161	-252.161	-252.161				7,617.000	7,617.000			
10	Nhà lớp học 3 tầng 9 phòng của Trường THPT Hà Bắc, huyện Thanh Hà	3068; 28/10/2016	11,992.8	11,990.000	-427.241			-427.241		11,562.759			11,562.759	
11	Trường mầm non xã Hồng Đức, huyện Ninh Giang	2134; 04/8/2016	14,902.2	12,599.095	-0.095			-0.095		12,599.000			12,599.000	
12	Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư vùng sạt lở xã Hiệp Cát, huyện Nam Sách	3484, 15/12/2010; 148, 13/01/2011; 2560, 21/9/2016	54,914.7	4,852.968	-852.968	-852.968				4,000.000	4,000.000			
13	Dự án cạnh tranh ngành chăn nuôi và an toàn thực phẩm (LIFSAP) (bao gồm cả khoản vay bổ sung)	2305, 17/8/2009; 1962, 27/5/2015	12,907.7	5,531.571	-605.691	-905.691	300.000			4,925.880	4,625.880	300.000		
14	Sở chỉ huy và cơ quan Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Hải Dương	4033, 30/10/2009; 4976, 16/12/2013	155,539.6	9,923.020	-9,923.020		-9,923.020							
15	Xử lý cấp bách các công trình đê điều bị sự cố do ảnh hưởng của bão, lũ năm 2017	1400; 22/4/2019	156,000.000	6,000.000	-4,677.675	-4,677.675				1,322.325	1,322.325			
16	Đối ứng dự án PPP		1,020.3	5,000.000	-4,081.758	-4,081.758				918.242	918.242			
II	**Chương trình, dự án chưa bố trí đủ vốn trong giai đoạn 2016-2020**		**2,643,422.7**	**717,403.374**	**-331,307.162**	**-241,846.474**	**-49,762.214**	**-22,779.474**	**-16,919.000**	**386,096.212**	**144,394.825**	**117,732.755**	**40,770.348**	**83,198.284**
II.1	**Dự án đã hoàn thành nhưng chưa bố trí đủ vốn (do chưa quyết toán)**		**682,325.1**	**85,347.789**	**-29,718.297**	**-27,807.848**	**-1,679.321**	**-231.128**		**55,629.492**	**40,650.285**	**4,989.770**	**9,989.437**	

STT	Danh mục	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn 5 năm 2016-2020 đã giao (tất cả các nguồn vốn)	Điều chỉnh tăng, giảm (-) vốn 5 năm 2016-2020					Kế hoạch vốn 5 năm 2016-2020 sau điều chỉnh, bổ sung				
		Số Quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng số	*Bao gồm*				Tổng số	*Bao gồm*			
						Vốn tiêu chí, định mức	Thu sử dụng đất	XSKT	Các nguồn vốn khác		Vốn tiêu chí, định mức	Thu sử dụng đất	XSKT	Các nguồn vốn khác
A	B	1	2	3	8	9	10	11	12	13	14=4+9	15=5+10	16=6+11	17=7+12
1	Đường tránh thị trấn Phú Thái, huyện Kim Thành (Hạng mục: cầu An Thành)	4508, 25/12/2009; 1826, 19/8/2013	24,056.0	7,300.000	-500.000	-500.000				6,800.000	6,800.000			
2	Đường gom và đường ống cấp nước KCN Cẩm Điền - Lương Điền	3412; 25/9/2009	94,380.0	1,052.000	-596.762	-596.762				455.238	455.238			
3	Cải tạo tầng 1, 2 và nâng tầng 3 Nhà hiệu bộ Trường Trung cấp Văn hóa nghệ thuật và Du lịch	140, 13/01/2011; 1286, 28/5/2015	3,662.5	2,312.830	-312.830	-312.830				2,000.000	2,000.000			
4	Trung tâm dạy nghề huyện Gia Lộc	2278; 09/8/2011	26,706.6	8,000.000	-1,070.909	-1,070.909				6,929.091	6,929.091			
5	Xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính thành phố Hải Dương	2134; 23/9/2013	16,393.0	893.000	-893.000		-893.000							
6	Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và lập kế hoạch sử dụng đất cuối kỳ (2016-2020) tỉnh Hải Dương		2,855.1	2,855.074	-212.286		-212.286			2,642.788		2,642.788		
7	Điều tra, đánh giá thoái hóa đất tỉnh Hải Dương	3090; 28/10/2016	3,245.6	2,921.017	-574.035		-574.035			2,346.982		2,346.982		
8	Khoa khám bệnh đa khoa và thăm dò chức năng cận lâm sàng của Bệnh viện Điều dưỡng và Phục hồi chức năng	1560; 16/6/2010	9,346.3	686.000	-686.000	-686.000								
9	Xây dựng Nhà khám bệnh và cận lâm sàng Bệnh viện Đa khoa huyện Bình Giang	3478; 30/9/2008	14,272.0	2,272.000	-2,272.000	-2,272.000								
10	Xây dựng bệnh viện mới, Bệnh viện Đa khoa tỉnh	1125, 23/4/2003; 4062, 07/11/2008; 2010, 12/7/2011	345,791.3	9,111.092	-8,111.092	-8,111.092				1,000.000	1,000.000			
11	Xây dựng, cải tạo Bệnh viện Đa khoa thành phố Chí Linh	2789; 07/10/2016	10,613.0	10,608.128	-231.128			-231.128		10,377.000	387.563		9,989.437	
12	Khu lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh tại xã Nam Chính, huyện Nam Sách	1336; 26/5/2010	11,986.0	3,086.000	-1,886.000	-1,886.000				1,200.000	1,200.000			

STT	Danh mục	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn 5 năm 2016-2020 đã giao (tất cả các nguồn vốn)	Điều chỉnh tăng, giảm (-) vốn 5 năm 2016-2020					Kế hoạch vốn 5 năm 2016-2020 sau điều chỉnh, bổ sung				
		Số Quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng số	*Bao gồm*				Tổng số	*Bao gồm*			
						Vốn tiêu chí, định mức	Thu sử dụng đất	XSKT	Các nguồn vốn khác		Vốn tiêu chí, định mức	Thu sử dụng đất	XSKT	Các nguồn vốn khác
A	B	1	2	3	8	9	10	11	12	13	14=4+9	15=5+10	16=6+11	17=7+12
13	Nhà bia nơi thành lập Tỉnh uỷ lâm thời tỉnh Hải Dương tại xã Hợp Tiến, huyện Nam Sách	3219; 24/11/2010	6,916.8	2,003.000	-1,524.607	-1,524.607				478.393	478.393			
14	Tu bổ tôn tạo khu di tích Đình Đầu, xã Hợp Tiến, huyện Nam Sách	3673, 27/12/2010; 1307, 27/5/2014	27,483.3	3,700.000	-1,200.000	-1,200.000				2,500.000	2,500.000			
15	Trụ sở làm việc Sở Tài nguyên và Môi trường (Sở Tài chính cũ)	2308; 29/6/2006	18,672.0	936.000	-936.000	-936.000								
16	Cải tạo, sửa chữa nhà làm việc 5 tầng UBND tỉnh Hải Dương	121; 15/01/2018	6,847.1	6,823.602	-323.602	-323.602				6,500.000	6,500.000			
17	Cải tạo, nâng cấp và mở rộng Nhà làm việc 5 tầng của Công an tỉnh	4853, 27/11/2003; 3044, 28/8/2009; 4853, 27/11/2003	6,799.1	1,275.446	-1,275.446	-1,275.446								
18	Trạm bơm tăng áp phường Hoàng Tân cấp nước sạch cho các phường, xã khu vực Đông Bắc thị xã Chí Linh	2542; 18/8/2017	14,972.0	5,392.000	-1,992.000	-1,992.000				3,400.000	3,400.000			
19	Trạm bơm tăng áp xã Kim Giang cấp nước sạch cho Khu công nghiệp Lương Điền, các xã nông thôn huyện Cẩm Giàng và khu vực lân cận	3856; 22/12/2016	15,863.9	5,711.000	-2,111.000	-2,111.000				3,600.000	3,600.000			
20	Hệ thống cấp nước sạch phường Bến Tắm, thị xã Chí Linh	1294; 27/4/2014	10,423.4	3,967.000	-1,467.000	-1,467.000				2,500.000	2,500.000			
21	Hệ thống cấp nước sạch phường Hoàng Tân, thị xã Chí Linh	1295; 27/4/2017	11,040.1	4,442.600	-1,542.600	-1,542.600				2,900.000	2,900.000			
II.2	**Chương trình, dự án không cân đối được các nguồn vốn và dự án bố trí vốn theo tiến độ thực hiện**		**1,961,097.6**	**632,055.585**	**-301,588.865**	**-214,038.626**	**-48,082.893**	**-22,548.346**	**-16,919.000**	**330,466.720**	**103,744.540**	**112,742.985**	**30,780.911**	**83,198.284**

STT	Danh mục	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn 5 năm 2016-2020 đã giao (tất cả các nguồn vốn)	Điều chỉnh tăng, giảm (-) vốn 5 năm 2016-2020					Kế hoạch vốn 5 năm 2016-2020 sau điều chỉnh, bổ sung				
		Số Quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng số	*Bao gồm*				Tổng số	*Bao gồm*			
						Vốn tiêu chí, định mức	Thu sử dụng đất	XSKT	Các nguồn vốn khác		Vốn tiêu chí, định mức	Thu sử dụng đất	XSKT	Các nguồn vốn khác
A	B	1	2	3	8	9	10	11	12	13	14=4+9	15=5+10	16=6+11	17=7+12
1	Nút giao lập thể tại điểm giao cắt giữa đường sắt Hà Nội - Hải Phòng, quốc lộ 5 và đường 390	3317, 06/12/2011; 2553, 01/11/2013; 1280, 18/5/2016	1,045,686.0	42,733.800	-42,733.800	-42,733.800								
2	Nhà lớp học 12 phòng của Trung tâm Kỹ thuật tổng hợp, hướng nghiệp dạy nghề Thanh Hà (giai đoạn 1)	222; 22/01/2010	13,561.2	8,551.753	-8,551.753	-8,551.753								
3	Nhà lớp học 3 tầng 6 phòng của Trung tâm Giáo dục thường xuyên Ninh Giang, huyện Ninh Giang	1343; 23/5/2016	8,000.0	7,200.000	-7,200.000	-7,200.000								
4	Xây dựng, cải tạo nhà làm việc và công trình phụ trợ Trung tâm Y tế huyện Nam Sách	1532; 13/6/2016	8,241.5	7,417.387	-7,417.387			-7,417.387						
5	Xây dựng nhà điều dưỡng và phục hồi chức năng thuộc Ban Bảo vệ, chăm sóc sức khoẻ cán bộ tỉnh Hải Dương		5,389.2	4,850.286	-4,850.286			-4,850.286						
6	Đầu tư mua sắm thiết bị y tế cho Ban Bảo vệ, chăm sóc sức khoẻ cán bộ tỉnh Hải Dương	3053; 28/10/2016	8,809.3	7,925.424	-7,925.424			-7,925.424						
7	Cải tạo, nâng cấp Nhà hát nhân dân TPHD (Xây dựng mới nhà làm việc + luyện tập và cải tạo một số công trình phụ trợ của Trung tâm Nghệ thuật và Tổ chức biểu diễn	3110; 31/10/2016	12,527.6	13,141.800	-13,141.800	-13,141.800								
8	Lập quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045		42,000.0	30,000.000	-20,000.000	-20,000.000				10,000.000	10,000.000			
9	Xây dựng nhà hồi sức cấp cứu, khoa dược - Bệnh viện Đa khoa huyện Thanh Miện	2568; 21/8/2017	7,621.0	8,096.400	-2,591.322	-2,591.322				5,505.078	5,505.078			

STT	Danh mục	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn 5 năm 2016-2020 đã giao (tất cả các nguồn vốn)	Điều chỉnh tăng, giảm (-) vốn 5 năm 2016-2020					Kế hoạch vốn 5 năm 2016-2020 sau điều chỉnh, bổ sung				
		Số Quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng số	*Bao gồm*				Tổng số	*Bao gồm*			
						Vốn tiêu chí, định mức	Thu sử dụng đất	XSKT	Các nguồn vốn khác		Vốn tiêu chí, định mức	Thu sử dụng đất	XSKT	Các nguồn vốn khác
A	B	1	2	3	8	9	10	11	12	13	14=4+9	15=5+10	16=6+11	17=7+12
10	Nhà khoa cận lâm sàng và khoa dược; khoa khám bệnh, hồi sức cấp cứu, khoa liên chuyên khoa, khoa nhi, hành chính của Bệnh viện Đa khoa huyện Gia Lộc	3109; 31/10/2016	44,421.1	13,616.630	-8,185.513	-616.630		-7,568.883		5,431.117	5,000.000		431.117	
11	Xây dựng, cải tạo Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh	4008; 31/10/2018	21,961.5	19,765.392	-18,998.894	-18,998.894				766.498	766.498			
12	Sở Chỉ huy cơ bản/Căn cứ chiến đấu 1 tỉnh Hải Dương	3106; 31/10/2016	88,409.2	79,568.240	-15,000.000		-15,000.000			64,568.240	37,234.547	27,333.693		
13	Đề án Phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung, nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững giai đoạn 2016-2020		159,000.0	159,000.000	-26,079.022	-34,250.897	2,958.241	5,213.634		132,920.978	39,310.553	63,260.631	30,349.794	
14	Đầu tư xây dựng Tượng đài Tiếng sấm đường 5		30,000.0	27,000.000	-26,316.000	-27,000.000	684.000			684.000		684.000		
15	Đầu tư xây dựng khối nhà Khám, hành chính, nghiệp vụ kỹ thuật và nội trú của Bệnh viện Phụ sản Hải Dương	2885; 16/8/2019	300,000.0	140,000.000	-36,038.339		-19,119.339		-16,919.000	103,961.661		20,880.661		83,081.000
16	Vốn dự phòng 10%			34,607.530	-34,607.530	-34,607.530								
17	Chuẩn bị đầu tư		165,470.0	28,580.943	-21,951.795	-4,346.000	-17,605.795			6,629.148	5,927.864	584.000		117.284
A.2	**Điều chỉnh, bổ sung tăng vốn (bao gồm cả điều chỉnh nguồn vốn)**		**7,789,500.4**	**1,236,054.907**	**444,892.261**	**-19,422.558**	**350,056.643**	**6,258.176**	**108,000.000**	**1,680,947.168**	**571,850.670**	**780,884.322**	**14,599.176**	**313,613.000**
I	**Chương trình, dự án trong kế hoạch 5 năm 2016-2020 (bao gồm cả điều chỉnh nguồn vốn)**		**7,177,430.3**	**1,236,054.907**	**249,306.863**	**-30,319.558**	**180,368.245**	**6,258.176**	**93,000.000**	**1,485,361.770**	**560,953.670**	**611,195.924**	**14,599.176**	**298,613.000**
I.1	**Dự án đã quyết toán nhưng chưa bố trí đủ vốn**		**34,410.5**	**30,769.464**	**717.325**		**717.325**			**31,486.789**	**30,769.464**	**717.325**		
1	Xây dựng Nhà làm việc Trường Chính trị tỉnh	2557; 06/10/2015	34,410.5	30,769.464	717.325		717.325			31,486.789	30,769.464	717.325		
I.2	**Chương trình, dự án khác**		**7,143,019.8**	**1,205,285.443**	**248,589.538**	**-30,319.558**	**179,650.920**	**6,258.176**	**93,000.000**	**1,453,874.981**	**530,184.206**	**610,478.599**	**14,599.176**	**298,613.000**
1	Xây dựng đoạn tuyến đường từ cầu Triều đến đường tỉnh 389	3811; 30/10/2019	200,553.5	50,000.000	36,710.000	-22,755.000	37,475.000		21,990.000	86,710.000	17,245.000	47,475.000		21,990.000

STT	Danh mục	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn 5 năm 2016-2020 đã giao (tất cả các nguồn vốn)	Điều chỉnh tăng, giảm (-) vốn 5 năm 2016-2020					Kế hoạch vốn 5 năm 2016-2020 sau điều chỉnh, bổ sung				
		Số Quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng số	*Bao gồm*				Tổng số	*Bao gồm*			
						Vốn tiêu chí, định mức	Thu sử dụng đất	XSKT	Các nguồn vốn khác		Vốn tiêu chí, định mức	Thu sử dụng đất	XSKT	Các nguồn vốn khác
A	B	1	2	3	8	9	10	11	12	13	14=4+9	15=5+10	16=6+11	17=7+12
2	Xây dựng tuyến đường kết nối Quốc lộ 38 với đường huyện 31, tỉnh Hưng Yên (đoạn thuộc huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương)	3810; 30/10/2019	54,211.299	30,000.000		-20,000.000	20,000.000			30,000.000	10,000.000	20,000.000		
3	Xây dựng tuyến đường kết nối đường tỉnh 398B (tỉnh Hải Dương) với đường tỉnh 345 (tỉnh Quảng Ninh), thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương	2239; 03/7/2019	46,881.000	10,000.000	5,000.000		5,000.000			15,000.000	10,000.000	5,000.000		
4	Tu bổ bờ kênh trục Bắc Hưng Hải; nạo vét kênh dẫn và cải tạo, nâng cấp một số trạm bơm trên địa bàn tỉnh Hải Dương giai đoạn 2016-2020	836; 31/3/2016	220,000.0	198,000.000	0.000	-4,506.382	4,506.382			198,000.000	93,493.618	104,506.382		
5	Ký túc xá học sinh của Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi	1455; 07/6/2016	27,622.9	24,860.641		-4,860.641		4,860.641		24,860.641	20,000.000		4,860.641	
6	Nhà khoa ngoại, khoa sản và khoa nội của Bệnh viện Đa khoa Cẩm Giàng	3066; 28/10/2016	18,219.8	16,397.852	0.000	-1,397.852		1,397.852		16,397.852	15,000.000		1,397.852	
7	Nhà khoa khám bệnh cận lâm sàng, hồi sức cấp cứu, phòng mổ và khoa nhi của Bệnh viện Đa khoa huyện Tứ Kỳ	3069; 28/10/2016	19,904.4	17,913.950	0.000	0.317		-0.317		17,913.950	9,573.267		8,340.683	
8	Đường trục Bắc-Nam, tỉnh Hải Dương đoạn tuyến phía Nam, từ nút giao đường ô tô cao tốc Hà Nội Hải Phòng đến cầu Hiệp (giai đoạn 1)	1004; 29/3/2017	1,407,966.8	305,613.000	58,679.538		7,669.538		51,010.000	364,292.538	37,200.000	70,469.538		256,623.000
9	Cầu Mây - Đường tỉnh 389	1088; 3/4/2019	347,660.0	250,000.000	25,000.000		5,000.000		20,000.000	275,000.000	91,972.321	163,027.679		20,000.000
10	Đề án "Xây dựng Chính quyền điện tử và Đô thị thông minh tỉnh Hải Dương giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030"	20/2019/NQ-HĐND; 12/12/2019	4,800,000	100,000.000	100,000.000		100,000.000			200,000.000		200,000.000		
11	Trả nợ vốn vay NHPT			202,500.000	23,200.000	23,200.000				225,700.000	225,700.000			
II	**Dự án bổ sung mới**		**612,070.1**		**195,585.398**	**10,897.000**	**169,688.398**		**15,000.000**	**195,585.398**	**10,897.000**	**169,688.398**		**15,000.000**

STT	Danh mục	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn 5 năm 2016-2020 đã giao (tất cả các nguồn vốn)	Điều chỉnh tăng, giảm (-) vốn 5 năm 2016-2020					Kế hoạch vốn 5 năm 2016-2020 sau điều chỉnh, bổ sung				
		Số Quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng số	*Bao gồm*				Tổng số	*Bao gồm*			
						Vốn tiêu chí, định mức	Thu sử dụng đất	XSKT	Các nguồn vốn khác		Vốn tiêu chí, định mức	Thu sử dụng đất	XSKT	Các nguồn vốn khác
A	B	1	2	3	8	9	10	11	12	13	14=4+9	15=5+10	16=6+11	17=7+12
II.1	**Dự án hoàn thành đã phê duyệt quyết toán**		**341,812.1**		**40,585.398**	**10,000.000**	**30,585.398**			**40,585.398**	**10,000.000**	**30,585.398**		
1	Đầu tư xây dựng Bệnh viện Nhi Hải Dương (giai đoạn 1) (còn thiếu 75.585,398 triệu đồng)	1075, 04/5/2010; 3468, 16/12/2011	341,812.1		40,585.398	10,000.000	30,585.398			40,585.398	10,000.000	30,585.398		
II.2	**Dự án khởi công mới**		**270,258.0**		**155,000.000**	**897.000**	**139,103.000**		**15,000.000**	**155,000.000**	**897.000**	**139,103.000**		**15,000.000**
1	Xây dựng tuyến đường dẫn cầu Quang Thanh, huyện Thanh Hà	04/NQ-HĐND; 14/7/2020	195,654.0		110,000.000	897.000	109,103.000			110,000.000	897.000	109,103.000		
2	Tu bổ, tôn tạo hạ tầng phía trước Đền Kiếp Bạc, xã Hưng Đạo, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương	05/NQ-HĐND; 14/7/2020	21,185.5		20,000.000		20,000.000			20,000.000		20,000.000		
3	Khu công viên cây xanh thuộc khu hành chính tập trung[1]		20,000.0		15,000.000				15,000.000	15,000.000				15,000.000
4	Trụ sở làm việc Chi cục Kiểm lâm tỉnh Hải Dương	4428; 19/12/2019	33,418.5		10,000.000		10,000.000			10,000.000		10,000.000		
B	**Các chương trình, dự án không điều chỉnh kế hoạch vốn**		**9,557,427.1**	**2,479,309.943**						**2,479,309.942**	**1,404,661.816**	**819,153.911**	**62,874.718**	**192,619.497**

Ghi chú:

[1] - Dự án đã được UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư tại Tờ trình số 42/TTr-UBND ngày 22/7/2020.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Biểu số 02

BỔ SUNG VÀ PHÂN BỔ CHI TIẾT VỐN DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH TỈNH NĂM 2019 VÀO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG 5 NĂM 2016-2020, KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019

(Kèm theo Nghị quyết số 01/2020/NQ-HĐND ngày 25/7/2020 của HĐND tỉnh Hải Dương)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn 5 năm 2016-2020	Kế hoạch vốn năm 2019
		Số Quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		
	Tổng số		**30,000.0**	**10,000.0**	**10,000.0**
1	Xử lý khẩn cấp sự cố sạt lở bãi sông đê tả Thái Bình, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương	4459; 20/12/2019	9,000.0	3,000.0	3,000.0
2	Xử lý khẩn cấp sự cố sạt lở bãi sông đê tả Thái Bình, huyện Thanh Hà , tỉnh Hải Dương	4460; 20/12/2019	6,000.0	2,000.0	2,000.0
3	Xử lý khẩn cấp sự cố sạt lở bãi sông đê hữu Kinh Thầy, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương	4461; 20/12/2019	6,000.0	2,000.0	2,000.0
4	Xử lý khẩn cấp sự cố sạt lở kè Thất Hùng và bãi sông đê hữu Kinh Thầy, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương	4457; 20/12/2019	5,500.0	1,900.0	1,900.0
5	Xử lý khẩn cấp sự cố sạt lở bãi sông đê tả Kinh Môn, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương	4458; 20/12/2019	3,500.0	1,100.0	1,100.0

Ghi chú: 05 dự án trên đã được Thường trực HĐND tỉnh thống nhất bổ sung và phân bổ chi tiết vốn dự phòng ngân sách tỉnh năm 2019 vào kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020, kế hoạch đầu tư công năm 2019 tại văn bản số 263/HĐND-VP ngày 31/12/2019; UBND tỉnh giao chi tiết kế hoạch 5 năm 2016-2020 và năm 2019 tại Quyết định số 4773/QĐ-UBND ngày 31/12/2019.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Biểu số 03

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2020 (VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NGUỒN NGÂN SÁCH TỈNH)

(Kèm theo Nghị quyết số 01/2020/NQ-HĐND ngày 25/7/2020 của HĐND tỉnh Hải Dương)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2020 đã giao				Điều chỉnh và bổ sung tăng, giảm (-) kế hoạch vốn năm 2020				Kế hoạch vốn năm 2020 sau điều chỉnh, bổ sung			
		Số Quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng số	*Bao gồm*			Tổng số	*Bao gồm*			Tổng số	*Bao gồm*		
					Vốn tiêu chí, định mức	Thu sử dụng đất	Các nguồn vốn khác		Vốn tiêu chí, định mức	Thu sử dụng đất	Các nguồn vốn khác		Vốn tiêu chí, định mức	Thu sử dụng đất	Các nguồn vốn khác
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12=4+8	13=5+9	14=6+10
	Tổng số		**7,533,495**	**463,995.482**	**229,539.124**	**234,456.358**		**311,125.127**		**220,044.127**	**91,081.000**	**775,120.609**	**229,539.124**	**454,500.485**	**91,081.000**
I	**Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn**			**87,818.795**	**25,897.000**	**61,921.795**		**-72,818.795**	**-10,897.000**	**-61,921.795**		**15,000.000**	**15,000.000**		
1	Vốn chưa phân bổ chi tiết đầu năm			45,000.000		45,000.000		-45,000.000		-45,000.000					
2	Lập quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045			20,000.000	20,000.000			-10,000.000	-10,000.000			10,000.000	10,000.000		
3	Chuẩn bị đầu tư			22,818.795	5,897.000	16,921.795		-17,818.795	-897.000	-16,921.795		5,000.000	5,000.000		
II	**Điều chỉnh, bổ sung tăng kế hoạch vốn (bao gồm cả điều chỉnh nguồn vốn)**		**7,533,495**	**376,176.687**	**203,642.124**	**172,534.563**		**383,943.922**	**10,897.000**	**281,965.922**	**91,081.000**	**760,120.609**	**214,539.124**	**454,500.485**	**91,081.000**
II.1	**Dự án đã quyết toán nhưng chưa bố trí đủ vốn**		**376,223**	**769.464**	**769.464**			**16,302.723**		**16,302.723**		**17,072.187**	**769.464**	**16,302.723**	
1	Xây dựng Nhà làm việc Trường Chính trị tỉnh	2557; 06/10/2015	34,411	769.464	769.464			717.325		717.325		1,486.789	769.464	717.325	
2	Đầu tư xây dựng Bệnh viện Nhi Hải Dương (giai đoạn 1)	1075, 04/5/2010; 3468, 16/12/2011	341,812					15,585.398		15,585.398		15,585.398		15,585.398	
II.2	**Dự án khác**		**7,157,273**	**311,592.884**	**139,058.321**	**172,534.563**		**182,641.199**	**-20,000.000**	**126,560.199**	**76,081.000**	**494,234.083**	**119,058.321**	**299,094.762**	**76,081.000**

STT	Danh mục	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2020 đã giao				Điều chỉnh và bổ sung tăng, giảm (-) kế hoạch vốn năm 2020				Kế hoạch vốn năm 2020 sau điều chỉnh, bổ sung			
		Số Quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng số	*Bao gồm*			Tổng số	*Bao gồm*			Tổng số	*Bao gồm*		
					Vốn tiêu chí, định mức	Thu sử dụng đất	Các nguồn vốn khác		Vốn tiêu chí, định mức	Thu sử dụng đất	Các nguồn vốn khác		Vốn tiêu chí, định mức	Thu sử dụng đất	Các nguồn vốn khác
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12=4+8	13=5+9	14=6+10
1	Đầu tư xây dựng khối nhà Khám, hành chính, nghiệp vụ kỹ thuật và nội trú của Bệnh viện Phụ sản Hải Dương	2885; 16/8/2019	300,000	40,000.000		40,000.000		56,961.661		-19,119.339	76,081.000	96,961.661		20,880.661	76,081.000
2	Xây dựng đoạn tuyến đường từ cầu Triều đến đường tỉnh 389	3811; 30/10/2019	200.554	41,847.545	10,000.000	31,847.545		8,010.000		8,010.000		49,857.545	10,000.000	39,857.545	
3	Xây dựng tuyến đường kết nối đường tỉnh 398B (tỉnh Hải Dương) với đường tỉnh 345 (tỉnh Quảng Ninh), thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương	2239; 03/7/2019	46,881	9,556.000	9,556.000			5,000.000		5,000.000		14,556.000	9,556.000	5,000.000	
4	Đường trục Bắc-Nam, tỉnh Hải Dương đoạn tuyến phía Nam, từ nút giao đường ô tô cao tốc Hà Nội Hải Phòng đến cầu Hiệp (giai đoạn 1)	1004; 29/3/2017	1,407,967					7,669.538		7,669.538		7,669.538		7,669.538	
5	Cầu Mây - Đường tỉnh 389	1088; 3/4/2019	347,660	90,659.339	89,972.321	687.018		5,000.000		5,000.000		95,659.339	89,972.321	5,687.018	
6	Đề án "Xây dựng Chính quyền điện tử và Đô thị thông minh tỉnh Hải Dương giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030"	20/2019/NQ-HĐND; 12/12/2019	4,800,000	100,000.000		100,000.000		100,000.000		100,000.000		200,000.000		200,000.000	

STT	Danh mục	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2020 đã giao				Điều chỉnh và bổ sung tăng, giảm (-) kế hoạch vốn năm 2020				Kế hoạch vốn năm 2020 sau điều chỉnh, bổ sung			
		Số Quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng số	*Bao gồm*			Tổng số	*Bao gồm*			Tổng số	*Bao gồm*		
					Vốn tiêu chí, định mức	Thu sử dụng đất	Các nguồn vốn khác		Vốn tiêu chí, định mức	Thu sử dụng đất	Các nguồn vốn khác		Vốn tiêu chí, định mức	Thu sử dụng đất	Các nguồn vốn khác
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12=4+8	13=5+9	14=6+10
7	Xây dựng tuyến đường kết nối Quốc lộ 38 với đường huyện 31, tỉnh Hưng Yên (đoạn thuộc huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương)	3810; 30/10/2019	54,211	29,530.000	29,530.000				-20,000.000	20,000.000		29,530.000	9,530.000	20,000.000	
II.3	**Phân bổ chi tiết sau (sau khi có quyết định đầu tư, phân bổ cho các dự án khởi công mới theo KH 5 năm 2016-2020)**							**155,000.000**	**897.000**	**139,103.000**	**15,000.000**	**155,000.000**	**897.000**	**139,103.000**	**15,000.000**
1	Vốn kế hoạch năm 2020							10,897.000	897.000	10,000.000		10,897.000	897.000	10,000.000	
2	Vốn tăng thu ngân sách năm 2019 chuyển nguồn sang năm 2020							129,103.000		129,103.000		129,103.000		129,103.000	
3	Vốn tiết kiệm chi ngân sách năm 2019 chuyển nguồn sang năm 2020							15,000.000			15,000.000	15,000.000			15,000.000
	Dự kiến:														
1	Tu bổ, tôn tạo hạ tầng phía trước Đền Kiếp Bạc, xã Hưng Đạo, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương	05/NQ-HĐND; 14/7/2020	21,185					20,000.000		20,000.000		20,000.000		20,000.000	
2	Xây dựng tuyến đường dẫn cầu Quang Thanh, huyện Thanh Hà	04/NQ-HĐND; 14/7/2020	195,654					110,000.000	897.000	109,103.000		110,000.000	897.000	109,103.000	

STT	Danh mục	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2020 đã giao				Điều chỉnh và bổ sung tăng, giảm (-) kế hoạch vốn năm 2020				Kế hoạch vốn năm 2020 sau điều chỉnh, bổ sung			
		Số Quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng số	*Bao gồm*			Tổng số	*Bao gồm*			Tổng số	*Bao gồm*		
					Vốn tiêu chí, định mức	Thu sử dụng đất	Các nguồn vốn khác		Vốn tiêu chí, định mức	Thu sử dụng đất	Các nguồn vốn khác		Vốn tiêu chí, định mức	Thu sử dụng đất	Các nguồn vốn khác
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12=4+8	13=5+9	14=6+10
3	Khu công viên cây xanh thuộc khu hành chính tập trung		20,000					15,000.000			15,000.000	15,000.000			15,000.000
4	Trụ sở làm việc Chi cục Kiểm lâm tỉnh Hải Dương	4428; 19/12/2019	33,418					10,000.000		10,000.000		10,000.000		10,000.000	
II.4	**Thị xã Kinh Môn**			**63,814.339**	**63,814.339**			**30,000.000**	**30,000.000**			**93,814.339**	**93,814.339**		

Biểu số 04

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NĂM 2019 KÉO DÀI SANG NĂM 2020 (VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NGUỒN NGÂN SÁCH TỈNH)

(Kèm theo Nghị quyết số 01/2020/NQ-HĐND ngày 25/7/2020 của HĐND tỉnh Hải Dương)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2019 kéo dài sang 2020				Điều chỉnh tăng, giảm (-) vốn năm 2019 kéo dài sang 2020				Kế hoạch vốn năm 2019 kéo dài sang 2020 sau điều chỉnh			
		Số Quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Bao gồm			Tổng số	Bao gồm			Tổng số	Bao gồm		
					Vốn tiêu chí, định mức	Thu sử dụng đất	Các nguồn vốn khác		Vốn tiêu chí, định mức	Thu sử dụng đất	Các nguồn vốn khác		Vốn tiêu chí, định mức	Thu sử dụng đất	Các nguồn vốn khác
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12=4+8	13=5+9	14=6+10
	Tổng số		**2,934,537.7**	**142,444.985**	**18,788.802**	**27,617.844**	**96,038.339**					**142,444.985**	**18,788.802**	**27,617.844**	**96,038.339**
I	**Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn**		**636,545.3**	**142,444.985**	**18,788.802**	**27,617.844**	**96,038.339**	**-124,710.000**	**-16,710.000**	**-15,000.000**	**-93,000.000**	**17,734.985**	**2,078.802**	**12,617.844**	**3,038.339**
1	Lập quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030. tầm nhìn đến năm 2045		42,000.0	10,000.000	10,000.000			-10,000.000	-10,000.000						
2	Xây dựng cầu giao thông nông thôn sử dụng vật tư thu hồi từ dự án nâng cao an toàn cầu đường sắt trên tuyến đường sắt Hà Nội - Thành phố Hồ Chí Minh	3075, 28/10/2016	28,174.6	2,797.388	2,797.388			-1,298.823	-1,298.823			1,498.565	1,498.565		
3	Xây dựng, cải tạo Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh	4008; 31/10/2018	21,961.5	733.502	733.502			-733.502	-733.502						
4	Sở Chỉ huy cơ bản/Căn cứ chiến đấu 1 tỉnh Hải Dương	3106; 31/10/2016	88,409.2	27,617.844		27,617.844		-15,000.000		-15,000.000		12,617.844		12,617.844	
5	Đầu tư xây dựng khối nhà Khám, hành chính, nghiệp vụ kỹ thuật và nội trú của Bệnh viện Phụ sản Hải Dương	2885; 16/8/2019	300,000.0	96,038.339			96,038.339	-93,000.000			-93,000.000	3,038.339			3,038.339
6	Xử lý cấp bách các công trình đê điều bị sự cố do ảnh hưởng của bão, lũ năm 2017	1400; 22/4/2019	156,000.0	5,257.912	5,257.912			-4,677.675	-4,677.675			580.237	580.237		

STT	Danh mục	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2019 kéo dài sang 2020				Điều chỉnh tăng, giảm (-) vốn năm 2019 kéo dài sang 2020				Kế hoạch vốn năm 2019 kéo dài sang 2020 sau điều chỉnh			
		Số Quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng số	*Bao gồm*			Tổng số	*Bao gồm*			Tổng số	*Bao gồm*		
					Vốn tiêu chí, định mức	Thu sử dụng đất	Các nguồn vốn khác		Vốn tiêu chí, định mức	Thu sử dụng đất	Các nguồn vốn khác		Vốn tiêu chí, định mức	Thu sử dụng đất	Các nguồn vốn khác
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12=4+8	13=5+9	14=6+10
II	**Điều chỉnh bổ sung tăng vốn**		**2,297,992.4**					**124,710.000**	**16,710.000**	**15,000.000**	**93,000.000**	**124,710.000**	**16,710.000**	**15,000.000**	**93,000.000**
1	Xây dựng đoạn tuyến đường từ cầu Triều đến đường tỉnh 389	3811; 30/10/2019	200,553.5					28,700.000	6,710.000		21,990.000	28,700.000	6,710.000		21,990.000
2	Đường trục Bắc-Nam, tỉnh Hải Dương đoạn tuyến phía Nam, từ nút giao đường ô tô cao tốc Hà Nội Hải Phòng đến cầu Hiệp (giai đoạn 1)	1004; 29/3/2017	1,407,966.8					51,010.000			51,010.000	51,010.000			51,010.000
3	Cầu Mây - Đường tỉnh 389	1088; 3/4/2019	347,660.0					20,000.000			20,000.000	20,000.000			20,000.000
4	Đầu tư xây dựng Bệnh viện Nhi Hải Dương (giai đoạn 1)	1075, 04/5/2010; 3468, 16/12/2011	341,812.1					25,000.000	10,000.000	15,000.000		25,000.000	10,000.000	15,000.000	

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Biểu số 05

BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG 5 NĂM 2016-2020 DỰ ÁN ĐẦU TƯ THEO HÌNH THỨC ĐỐI TÁC CÔNG TƯ (DỰ ÁN BT)

(Kèm theo Nghị quyết số 01/2020/NQ-HĐND ngày 25/7/2020 của HĐND tỉnh Hải Dương)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015				Kế hoạch vốn 5 năm 2016-2020			
			Số QĐ; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Bao gồm			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Bao gồm		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tr.đó, vốn nhà nước đóng góp			Vốn nhà nước đóng		Vốn nhà đầu tư tự huy động		Vốn nhà nước đóng góp		Vốn nhà đầu tư tự huy động
					Tổng số	Tr.đó, vốn góp từ quỹ đất		Tổng số	Tr.đó, vốn góp từ quỹ đất			Tổng số	Tr.đó, vốn góp từ quỹ đất	
	Tổng số			**211,686.0**	**211,686.0**	**211,686.0**	**89,671.0**	**89,671.0**	**89,671.0**		**122,015.0**	**122,015.0**	**122,015.0**	
1	Xây dựng đường 62m kéo dài (giai đoạn 2) đoạn từ Khu đô thị mới phía Tây thành phố Hải Dương đi huyện Gia Lộc	2014-2019	569, 19/3/2012 2; 1241, 17/6/2013	211,686.0	211,686.0	211,686.0	89,671.0	89,671.0	89,671.0		122,015.0	122,015.0	122,015.0	

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG